

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **198 /2021/HN-ST**

Ngày: 29/4/2021

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Giang**

+ Bà **Dương Hiền Huệ**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa :** Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 45/2021/TLST-HN ngày 01/02/2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Văn A** – sinh năm: 1992 (có mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Kim B** - sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú tại: ấp M1, xã N1, huyện X, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày: anh và chị B sống chung năm 2017, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ch và chị B ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị B.

- Về con chung: có một cháu tên Nguyễn Phương C, sinh ngày 5/05/2019 hiện đang sống với chị B, ly hôn anh đồng ý để cháu C cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim B vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn A. Về tình cảm: anh Nguyễn Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim B. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phương C, sinh ngày 5/5/2019 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh A trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ch Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Kim B sống chung năm 2017 và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo nên hôn nhân giữa anh A và chị B là hôn nhân hợp pháp. Nay anh A yêu cầu ly hôn với chị B và chị B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim B mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình cảm: Tại phiên tòa hôm nay, anh A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị B. Nguyên nhân ly hôn anh A trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị B muốn về bên nhà cha mẹ ruột sống, anh không đồng ý nên từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên cự cãi nhau. Chị B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị không đến tòa hay gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh A, chứng tỏ giữa chị và anh A trong cuộc sống đã có mâu thuẫn xảy ra. Trong thời gian ly thân, anh A chị B đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên anh A yêu cầu ly hôn với chị B là có cơ sở.

[4] Về con chung: có một cháu tên Nguyễn Phương C, sinh ngày 5/5/2019 hiện đang sống với chị B. Ly hôn anh A đồng ý để cháu C cho chị B nuôi dưỡng. Xét thấy cháu C hiện đang dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc từ mẹ và hiện nay cháu đang sống ổn định với chị B nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu C cho chị B nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, anh A trình bày cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi, lao động được. Xét thấy việc cấp dưỡng của anh A là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: anh A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn A.

[1] Về tình cảm: Ch Nguyễn Văn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim B.

[2] Về con chung: giao cháu Nguyễn Phương C, sinh ngày 5/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim B tiếp tục nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận anh Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương C **mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)** cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh A không thực hiện thì hàng tháng anh A còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền cấp dưỡng tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng anh A phải chịu 600.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004629 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(Đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên